

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa;

* **Nguyên đơn:** Lê Cao T, sinh năm 1975; địa chỉ số D, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Địa chỉ liên hệ ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Châu Thị T1, sinh năm 1975; địa chỉ số A, Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Cao T và bà Châu Thị T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trúc M, sinh ngày 21/8/2016 cho bà T1 nuôi dưỡng; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bắt đầu thực hiện cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu **Lê Ngô P**, sinh ngày 17/11/2000 và **Lê Thị Thu T2**, sinh ngày 22/6/2002, hiện nay hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông **T**, bà **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Ông **Lê Cao T** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0007872, ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long, nên ông **T** không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND TPVL;
- Tòa án ND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THA DS TPVL;
- UBND xã Thuận Mỹ, H.Châu Thành, tỉnh Long An (số 132, ngày 23/8/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Tấn Thành